TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **204**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 597/2026/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trương Thị L; Sinh năm 1992

CCCD: 094192000518 Cấp ngày: 29/3/2021

Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ tạm trú: Ấp S, xã B, thành phố Đ

- Ông Từ Minh H; Sinh năm 1993

CCCD: 094093002352 Cấp ngày: 10/11/2022

Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa bà Trương Thị L và ông Từ Minh H là hôn nhân hợp pháp, ngày 07/5/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Từ Ngọc H1, sinh ngày 27/3/2015 và cháu Từ Duy K sinh ngày 28/7/2017 cho bà Trương Thị L là người trực tiếp nuôi con. Ông Từ Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng/01 con/01 tháng, tổng là 5.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao

động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Từ Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà bà Trương Thị L và ông Từ Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0008546 và 0008547 cùng ngày 14/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Từ Ngọc H1, sinh ngày 27/3/2015 và cháu Từ Duy K sinh ngày 28/7/2017 cho bà Trương Thị L là người trực tiếp nuôi con. Ông Từ Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng/01 con/01 tháng, tổng là 5.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Từ Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà bà Trương Thị L và ông Từ Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0008546 và 0008547 cùng ngày 14/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Trương Thị L và ông Từ Minh H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ Nai *(GĐKKH ngày 21/11/2014 số 76/2014 của UBND xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng)*
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Như Quỳnh